

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2021

*V/v tranh chấp “Xin ly hôn,
Nuôi con chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Ứng
2. Ông Võ Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Hồ Thị Bích V**- Sinh năm: 1994 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G;

2. *Bị đơn:* **Bùi Hồng T** - Sinh năm: 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Bích V trình bày:*

Chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 09/7/2018 tại UBND xã T, huyện T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không quan tâm chăm sóc chị và con, không lo kinh tế gia đình. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2020 thì trầm trọng nên chị và anh T sống ly thân. Nay tình cảm không còn nên

yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Ngọc N, sinh ngày 11/10/2018. Hiện cháu N đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: nợ chung chị xác định không có.

* Quá trình tố tụng bị đơn anh Bùi Hồng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị V, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị V về việc xin ly hôn, nuôi con chung*: Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị V và anh T có quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/7/2018 nên quan hệ hôn nhân của chị V và anh T là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Theo lời trình bày của chị V, mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ vấn đề anh T không quan tâm chăm sóc vợ và con, không lo kinh tế gia đình, mâu thuẫn kéo dài nên không thể hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh T đã có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không trao đổi hàn gắn tình cảm. Anh T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa trình bày ý kiến, chứng tỏ anh không quan tâm đến cuộc hôn nhân với chị V. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: chị V trình bày có 01 con chung tên Bùi Ngọc N, sinh ngày 11/10/2018. Hiện cháu N đang do chị V trực tiếp nuôi. Ly hôn, chị V yêu cầu nuôi con. Xét thấy cháu N dưới 36 tháng tuổi và đang do chị V trực tiếp nuôi; anh T

chưa có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Ý cho chị V tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị V chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con, nhưng vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị V và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị V trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Bích V.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hồ Thị Bích V được ly hôn với anh Bùi Hồng T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Bùi Ngọc N, sinh ngày 11/10/2018 cho chị Hồ Thị Bích V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị V chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị V và các thành viên trong gia đình chị V không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị V phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49683 ngày 01/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Hồ Thị Bích V và anh Bùi Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm